


 TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
ĐƯỢC HÀ NỘI
KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH CAO HỌC NĂM 2017

TT	SBD	Điểm tích hợp DL-HD	Điểm Hóa hữu cơ	Tổng điểm	Điểm môn Tiếng Anh				Tổng điểm NN	Ghi chú
					Viết	Đọc	Nghe	Nói		
1	CH0001	7,75	5,25	13,00	22,0	21,0	11,0	10,0	64,0	
2	CH0002	8,50	7,75	16,25	23,0	29,0	18,0	12,0	82,0	
3	CH0003	6,25	7,75	14,00	MT	MT	MT	MT	MT	
4	CH0004	9,75	9,75	19,50	22,0	24,0	16,0	14,0	76,0	
5	CH0005	9,50	8,75	18,25	MT	MT	MT	MT	MT	
6	CH0006	8,75	7,75	16,50	MT	MT	MT	MT	MT	
7	CH0007	7,75	6,00	13,75	MT	MT	MT	MT	MT	
8	CH0008	9,75	9,75	19,50	24,5	26,0	12,0	15,0	77,5	
9	CH0009	9,50	8,75	18,25	MT	MT	MT	MT	MT	
10	CH0010	8,75	9,25	18,00	17,5	23,0	10,0	10,0	60,5	
11	CH0011	6,50	6,25	12,75	MT	MT	MT	MT	MT	
12	CH0012	9,50	9,00	18,50	MT	MT	MT	MT	MT	
13	CH0013	9,75	9,00	18,75	MT	MT	MT	MT	MT	
14	CH0016	9,75	6,00	15,75	26,5	29,0	18,0	16,0	89,5	
15	CH0017	9,50	8,50	18,00	18,5	24,0	13,0	13,0	68,5	
16	CH0018	8,75	7,25	16,00	20,0	25,0	14,0	14,0	73,0	
17	CH0021	8,75	7,50	16,25	MT	MT	MT	MT	MT	
18	CH0022	9,75	9,50	19,25	22,5	20,0	12,0	15,0	69,5	
19	CH0023	10,00	9,00	19,00	MT	MT	MT	MT	MT	
20	CH0024	9,25	9,25	18,50	20,0	29,0	9,0	15,0	73,0	
21	CH0025	9,50	9,50	19,00	MT	MT	MT	MT	MT	
22	CH0026	9,75	9,75	19,50	MT	MT	MT	MT	MT	
23	CH0027	9,25	9,50	18,75	MT	MT	MT	MT	MT	
24	CH0028	9,50	9,75	19,25	MT	MT	MT	MT	MT	
25	CH0029	10,25	7,75	18,00	MT	MT	MT	MT	MT	ƯT
26	CH0030	5,75	5,75	11,50	MT	MT	MT	MT	MT	
27	CH0031	10,00	9,75	19,75	23,5	28,0	16,0	16,0	83,5	
28	CH0033	8,75	7,75	16,50	MT	MT	MT	MT	MT	ƯT
29	CH0034	9,75	9,25	19,00	20,0	25,0	10,0	12,0	67,0	

TT	SBD	Điểm tích hợp DL-HD	Điểm Hóa hữu cơ	Tổng điểm	Điểm môn Tiếng Anh				Tổng điểm NN	Ghi chú
					Viết	Đọc	Nghe	Nói		
30	CH0035	9,50	8,50	18,00	20,0	24,0	8,0	14,0	66,0	
31	CH0036	8,50	7,00	15,50	MT	MT	MT	MT	MT	
32	CH0037	9,25	8,00	17,25	21,0	27,0	11,0	15,0	74,0	
33	CH0038	9,25	9,00	18,25	21,5	26,0	16,0	14,0	77,5	
34	CH0040	7,00	5,25	12,25	24,0	26,0	6,0	11,0	67,0	
35	CH0041	7,50	6,25	13,75	MT	MT	MT	MT	MT	
36	CH0042	9,50	9,75	19,25	MT	MT	MT	MT	MT	
37	CH0043	9,75	7,50	17,25	19,5	24,0	11,0	12,0	66,5	
38	CH0044	8,00	8,25	16,25	MT	MT	MT	MT	MT	
39	CH0045	9,00	8,25	17,25	MT	MT	MT	MT	MT	
40	CH0046	9,75	6,75	16,50	MT	MT	MT	MT	MT	
41	CH0047	9,50	7,75	17,25	MT	MT	MT	MT	MT	
42	CH0048	8,00	7,50	15,50	MT	MT	MT	MT	MT	
43	CH0049	10,00	8,75	18,75	MT	MT	MT	MT	MT	
44	CH0050	8,75	6,50	15,25	21,0	27,0	12,0	14,0	74,0	
45	CH0051	9,25	8,25	17,50	16,5	27,0	13,0	13,0	69,5	
46	CH0052	8,25	8,50	16,75	24,0	24,0	10,0	13,0	71,0	
47	CH0053	6,25	6,50	12,75	19,0	19,0	7,0	12,0	57,0	
48	CH0054	9,00	8,25	17,25	MT	MT	MT	MT	MT	
49	CH0056	8,00	9,50	17,50	18,0	23,0	15,0	14,0	70,0	
50	CH0057	7,75	7,50	15,25	MT	MT	MT	MT	MT	
51	CH0058	8,50	7,75	16,25	MT	MT	MT	MT	MT	
52	CH0059	6,75	8,75	15,50	MT	MT	MT	MT	MT	
53	CH0060	7,75	7,00	14,75	MT	MT	MT	MT	MT	ƯT
54	CH0061	9,75	9,00	18,75	24,5	26,0	11,0	14,0	75,5	
55	CH0062	6,50	7,25	13,75	MT	MT	MT	MT	MT	
56	CH0063	7,50	7,25	14,75	MT	MT	MT	MT	MT	
57	CH0064	10,25	8,50	18,75	MT	MT	MT	MT	MT	ƯT
58	CH0065	9,00	7,75	16,75	23,0	21,0	5,0	11,0	60,0	
59	CH0066	8,50	8,50	17,00	20,0	21,0	15,0	12,0	68,0	
60	CH0068	8,75	8,50	17,25	MT	MT	MT	MT	MT	
61	CH0069	8,25	9,75	18,00	21,0	26,0	12,0	11,0	70,0	
62	CH0071	9,25	9,25	18,50	24,5	26,0	12,0	14,0	76,5	

TT	Mã	Điểm tích hợp DL-HD	Điểm Hóa hữu cơ	Tổng điểm	Điểm môn Tiếng Anh				Tổng điểm NN	Ghi chú
					Viết	Đọc	Nghe	Nói		
63	CH0072	9,00	9,50	18,50	MT	MT	MT	MT	MT	
64	CH0073	9,00	7,25	16,25	18,0	21,0	9,0	10,0	58,0	
65	CH0074	9,00	9,75	18,75	MT	MT	MT	MT	MT	
66	CH0075	9,25	8,75	18,00	MT	MT	MT	MT	MT	
67	CH0076	8,75	8,25	17,00	MT	MT	MT	MT	MT	
68	CH0077	9,25	9,00	18,25	MT	MT	MT	MT	MT	
69	CH0078	9,75	8,75	18,50	20,0	22,0	6,0	10,0	58,0	
70	CH0080	9,00	7,50	16,50	MT	MT	MT	MT	MT	
71	CH0081	8,00	8,25	16,25	MT	MT	MT	MT	MT	
72	CH0082	6,50	7,00	13,50	21,5	25,0	12,0	10,0	68,5	
73	CH0084	8,00	8,00	16,00	19,5	19,0	12,0	7,0	57,5	
74	CH0085	8,00	7,25	15,25	25,5	26,0	15,0	14,0	80,5	
75	CH0086	7,75	8,25	16,00	MT	MT	MT	MT	MT	
76	CH0087	6,00	5,00	11,00	19,0	21,0	10,0	11,0	61,0	
77	CH0089	7,00	8,25	15,25	MT	MT	MT	MT	MT	
78	CH0090	8,50	7,75	16,25	MT	MT	MT	MT	MT	
79	CH0091	7,00	6,75	13,75	MT	MT	MT	MT	MT	
80	CH0092	9,75	8,75	18,50	MT	MT	MT	MT	MT	
81	CH0093	9,00	9,00	18,00	MT	MT	MT	MT	MT	
82	CH0094	9,25	9,50	18,75	MT	MT	MT	MT	MT	
83	CH0095	9,25	9,75	19,00	25,5	28,0	20,0	12,0	85,5	
84	CH0096	9,50	9,00	18,50	19,0	22,0	11,0	10,0	62,0	
85	CH0097	8,75	9,00	17,75	16,5	20,0	3,0	8,0	47,5	
86	CH0098	8,50	6,75	15,25	22,0	25,0	9,0	10,0	66,0	
87	CH0099	7,75	6,00	13,75	MT	MT	MT	MT	MT	
88	CH0100	7,75	8,25	16,00	23,0	26,0	15,0	8,0	72,0	
89	CH0101	8,00	6,25	14,25	18,0	18,0	10,0	12,0	58,0	
90	CH0102	7,00	6,50	13,50	MT	MT	MT	MT	MT	
91	CH0104	8,75	7,75	16,50	15,0	16,0	8,0	7,0	46,0	
92	CH0105	6,25	5,00	11,25	MT	MT	MT	MT	MT	
93	CH0106	8,25	8,75	17,00	MT	MT	MT	MT	MT	
94	CH0107	5,75	6,50	12,25	21,5	24,0	9,0	10,0	64,5	
95	CH0108	9,75	9,50	19,25	MT	MT	MT	MT	MT	

TT	SBD	Điểm tích hợp DL-HD	Điểm Hóa hữu cơ	Tổng điểm	Điểm môn Tiếng Anh				Tổng điểm NN	Ghi chú
					Viết	Đọc	Nghe	Nói		
96	CH0109	9,75	9,50	19,25	MT	MT	MT	MT	MT	
97	CH0110	8,50	7,75	16,25	MT	MT	MT	MT	MT	
98	CH0111	7,75	9,25	17,00	MT	MT	MT	MT	MT	
99	CH0112	9,25	9,50	18,75	MT	MT	MT	MT	MT	
100	CH0113	6,50	7,00	13,50	19,0	26,0	13,0	8,0	66,0	
101	CH0114	8,50	7,50	16,00	MT	MT	MT	MT	MT	
102	CH0115	8,50	9,25	17,75	MT	MT	MT	MT	MT	
103	CH0116	9,00	6,50	15,50	MT	MT	MT	MT	MT	
104	CH0117	8,00	8,25	16,25	MT	MT	MT	MT	MT	
105	CH0118	8,00	7,00	15,00	MT	MT	MT	MT	MT	
106	CH0119	8,75	8,25	17,00	MT	MT	MT	MT	MT	ƯT
107	CH0120	7,50	8,25	15,75	MT	MT	MT	MT	MT	
108	CH0121	8,25	7,75	16,00	MT	MT	MT	MT	MT	
109	CH0122	8,50	9,25	17,75	MT	MT	MT	MT	MT	
110	CH0123	5,00	5,00	10,00	17,0	24,0	8,0	7,0	56,0	
111	CH0124	8,00	7,25	15,25	MT	MT	MT	MT	MT	
112	CH0125	7,75	6,50	14,25	23,5	28,0	14,0	13,0	78,5	
113	CH0126	9,00	8,25	17,25	MT	MT	MT	MT	MT	
114	CH0127	9,25	8,75	18,00	MT	MT	MT	MT	MT	
115	CH0128	9,00	9,25	18,25	MT	MT	MT	MT	MT	
116	CH0129	8,50	8,75	17,25	23,0	25,0	14,0	14,0	76,0	
117	CH0130	9,00	8,75	17,75	23,0	29,0	17,0	15,0	84,0	
118	CH0131	9,00	8,75	17,75	MT	MT	MT	MT	MT	
119	CH0132	2,50	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	0,0	
120	CH0133	8,50	5,25	13,75	MT	MT	MT	MT	MT	
121	CH0134	8,50	7,50	16,00	19,0	20,0	6,0	13,0	58,0	